

Bản án số: 207/2025/DS-PT

Ngày: 24/7/2025

V/v “Yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở quyền sử dụng đất,
tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu bồi thường thiệt hại
về tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán:

Ông Tôn Văn Thông

Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 80/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1379/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1963;

1.2. Anh Võ Minh S, sinh năm 1992; (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Khu phố T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N:

+ Chị Phan Thị Hồng H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 351F khu phố 2, phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre (nay là: Số 351F khu phố 2, phường K, tỉnh Vĩnh Long). *(có yêu cầu xét xử vắng mặt)*

+ Chị Trần Thị Ngọc Như Y, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 510A ấp 1, xã N, thành phố T, tỉnh Bến Tre (nay là: Số 510A ấp 1, phường H, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ liên hệ: Số 33C ấp Mỹ An C, xã A, thành phố T, tỉnh Bến Tre (nay là: Số 33C ấp C, phường H, tỉnh Vĩnh Long). *(có mặt)*

2. Bị đơn:

2.1. Bà Hồ Thị S, sinh năm 1956;

2.2. Anh Trương Văn T, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Khu phố T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trương Văn T1, sinh năm 1977;

3.2. Ông Trương Văn T2, sinh năm 1984;

3.3. Anh Trương Văn L, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Khu phố T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

3.4. Bà Trương Thị T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Khu phố T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là: Ấp L, xã T, tỉnh Vĩnh Long). *(có mặt)*

*** Người kháng cáo:** Bà Trần Thị N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2022, các biên bản hòa giải, ông Huỳnh Minh T2 (là đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N, anh Võ Minh S) trình bày:*

Đất đang tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế 182.3m² thuộc thửa đất 300 tờ bản đồ số 22, có nguồn gốc của vợ chồng bà Trần Thị N được cha mẹ ruột bà N cho bà N vào năm 1986 và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996, diện tích được cấp 108m², nguyên nhân diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do việc đo đạc lúc trước không chính xác. Phần đất này được vợ chồng ông D, bà N sử dụng từ năm 1989, ở vị trí số 1, 2 của họa đồ là căn nhà ở của bà N, ông Dứt, còn vị trí số 3, 4 là đất trống ở bên hông nhà, trước đây là có hàng rào bê

tông lưới B40 được xây dựng từ năm 2006. Do phía bị đơn Trương Thị T, Trương Văn T1, Trương Văn T, Hồ Thị S đập phá hàng rào ranh đất hư hỏng nên phát sinh tranh chấp, còn camera thì do Trương Văn T đập phá. Do đó, nay nguyên đơn yêu cầu bà Hồ Thị S, Trương Văn T1, Trương Văn T, Trương Thị T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 22 và yêu cầu Trương Văn T bồi thường 01 camera trị giá 1.800.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà S, ông T1, ông T, bà T phải bồi thường thiệt hại hàng rào bị đập phá trị giá là 9.425.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bà Hồ Thị S thì ông cho rằng bà S chưa đủ điều kiện để đứng đơn phản tố mà phải cùng các con của bà S vì thửa đất 301 của ông Trương Văn T, bà Hồ Thị S nhưng hiện nay ông T đã chết. Nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc ngày 14/9/2022, ngày 24/10/2024, ngày 26/12/2024, kết quả định giá ngày 16/9/2022 làm cơ sở cho Tòa án giải quyết.

** Tại tờ tự khai đề ngày 09/5/2022, đơn yêu cầu phản tố đề ngày 17/10/2022, các biên bản hòa giải, anh Nguyễn Thanh T (là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị S, anh Trương Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T, ông Trương Văn T1, ông Trương Văn T2, anh Trương Văn L) trình bày:*

Diện tích đất mà phía bà Hồ Thị S cùng Trương Văn T1, Trương Văn T, Trương Thị T cản trở nguyên đơn sử dụng là ở vị trí số 3, 4 diện tích 51m², đất này thuộc thửa số 301, tờ bản đồ số 22 có nguồn gốc của vợ chồng bà Hồ Thị S mua của ông D và hiện nay chồng bà S là ông Trương Văn T đã chết, thửa đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ nằm trong sổ mục kê do ông N đứng tên nhưng việc kê khai này bị nhầm, do địa phương ghi tên bị nhầm và hiện nay ông N có làm giấy xác nhận là đất của ông T, bà S chứ không phải của ông N. Ở vị trí số 3, 4 lúc trước ông T, bà S cho ông N, bà Đ ở nhờ rồi sau này mới di dời về nhà hiện nay. Lúc nguyên đơn xây nhà, hàng rào thì phía bị đơn cũng có tranh chấp, có lên báo chính quyền địa phương bằng miệng chứ không có làm đơn gửi nên cũng không được địa phương giải quyết. Hiện nay vị trí tranh chấp có 01 phần nhà của nguyên đơn và cây trồng của nguyên đơn. Gia đình bị đơn thừa nhận đập phá 01 camera và 01 hàng rào của bà Hồ Thị S. Nay với yêu cầu nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất mà nguyên đơn yêu cầu tại thửa 300 tờ bản đồ số 22 mà vị trí bị đơn cản trở là đất của bị đơn tại thửa 301, tờ bản đồ số 22. Đối với 01 camera bị hư trị giá 1.800.000đ thì bị đơn đồng ý bồi thường, còn giá trị hàng rào thì bị đơn không bồi thường vì trước đây nguyên đơn, bị đơn có thỏa thuận để cho nguyên đơn xây hàng rào thì nguyên đơn phải đưa cho bị đơn số tiền 50.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận miệng chứ không có

chứng cứ nhưng nguyên đơn lại không thực hiện và nguyên đơn cũng xây dựng hàng rào trên đất của bị đơn. Nay bà Hồ Thị S phản tố yêu cầu bà Trần Thị N, anh Võ Minh S phải trả lại diện tích đất 51m² thuộc một phần thửa 301, tờ bản đồ số 22 nhưng do nguyên đơn đã xây dựng diện tích 14.3m² (vị trí B2, A2, A4) nên yêu cầu trả giá trị theo giá Hội đồng định giá, còn diện tích còn lại 36.7m² là đất trống nên yêu cầu nguyên đơn di dời cây trồng, lu nước để trả cho bị đơn. Anh đồng ý với kết quả đo đạc ngày 14/9/2022, ngày 24/10/2024, ngày 26/12/2024, kết quả định giá ngày 16/9/2022 làm cơ sở cho Tòa án giải quyết.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 -Vĩnh Long) đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 -Vĩnh Long) đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, anh Võ Minh S về việc bà Hồ Thị S, Trương Văn T1, Trương Văn T, Trương Thị T, Trương Văn T2, Trương Văn L phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất diện tích đất qua đo đạc thực tế 47m² (vị trí số 4, 3.2-1, 3.2-2) thuộc thửa đất số 300, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 14/9/2022, ngày 24/10/2024, ngày 26/12/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T kèm theo).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, anh Võ Minh S về việc yêu cầu bà Hồ Thị S, anh Trương Văn T phải bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc anh Trương Văn T phải bồi thường thiệt hại 01 (một) camera bị hư hỏng trị giá 1.800.000 đồng.

Buộc bà Hồ Thị S, anh Trương Văn T phải bồi thường thiệt hại hàng rào bị đập phá trị giá là 9.425.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hồ Thị S.

Buộc bà Trần Thị N, anh Võ Minh S phải di dời cây cối, tài sản trả lại cho bà S diện tích đất qua đo đạc thực tế 33.4m² (vị trí 3.2-2, (vị trí (4) đã trừ diện tích A2, diện tích B2)) thuộc một phần thửa đất số 301, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có họa đồ ngày 14/9/2022, ngày 24/10/2024, ngày 26/12/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T kèm theo).

Buộc bà Trần Thị N, anh Võ Minh S phải trả lại diện tích 13.6m² (vị trí B2, A2, 3.2-1 của họa đồ) thuộc một phần thửa đất số 301, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre nhưng được tính giá trị bằng

tiền 34.000.000 đồng (có họa đồ ngày 14/9/2022, ngày 24/10/2024, ngày 26/12/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/01/2025, nguyên đơn bà Trần Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị N là chị Trần Thị Ngọc Như Y trình bày:*

Do cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, có vi phạm tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm. Đối với tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản thì đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần này vì đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

** Người đại diện theo ủy quyền của của bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Do có một số nội dung cần được làm rõ nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị N và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị N, anh Võ Minh S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị S, ông Trương Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị T, ông Trương Văn T1, ông Trương Văn T2, anh Trương Văn L phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 47m² (vị trí số 4, 3.2-1, 3.2-2) theo họa đồ ngày 14/9/2022, ngày 24/10/2024, ngày 26/12/2024 vì nguyên đơn cho rằng phần đất này thuộc thửa đất số 300, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là khu phố T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) mà nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu ông T bồi thường 01 camera trị giá 1.800.000 đồng và yêu cầu bà S, anh T bồi thường thiệt hại hàng rào bị đập phá

trị giá là 9.425.000 đồng. Bị đơn bà Hồ Thị S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố buộc bà Trần Thị N, anh Võ Minh S phải trả lại phần diện tích đất nêu trên vì bị đơn cho rằng phần đất này thuộc thửa đất số 301, tờ bản đồ số 22 của gia đình bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc anh T bồi thường thiệt hại 01 camera bị hư hỏng trị giá 1.800.000 đồng; buộc bà S, anh T phải bồi thường thiệt hại hàng rào bị đập phá trị giá là 9.425.000 đồng, đối với nội dung này phía bị đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Xét thấy, thửa đất số 300, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là khu phố T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) có nguồn gốc của ông D, bà N được ông Trần Văn T (cha bà N) để lại. Hiện nay, thửa đất số 300, tờ bản đồ số 22 do ông D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/9/1995. Giáp ranh với phần đất các bên đang tranh chấp là thửa đất số 301, tờ bản đồ số 22 có nguồn gốc của ông T, bà S mua của ông D nhưng do ông N đứng tên trong sổ mục kê và hiện nay thửa đất này chưa ai được cấp quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông D thì thửa 300, tờ bản đồ số 22 có diện tích 108m², tuy nhiên căn cứ Biên bản lấy lời khai ông Đoàn Trung H ngày 13/11/2024 thì vào khoảng năm 1994-1997 ông H có bán cho cha bà N là ông Trần Văn T một phần đất có diện tích khoảng 50m². Ngoài ra, tại Bản án số 126/2009/DS-ST ngày 29/12/2009 của Tòa án nhân dân huyện T cũng tuyên gia đình ông D phải trả giá trị phần đất tranh chấp có diện tích là 28m² cho bà Nguyễn Thị T. Các phần đất tăng thêm này thì gia đình ông D vẫn chưa cập nhật vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp trước đó. Như vậy, ngoài diện tích đất tăng thêm 28m² theo Bản án số 126/2009/DS-ST ngày 29/12/2009 của Tòa án nhân dân huyện T thì thửa 300 của ông D còn có thêm một phần diện tích đất tăng thêm do nhận chuyển nhượng và theo Trích lục họa đồ kèm theo bản án nêu trên thì thửa 300 (ký hiệu số 4) của ông D đã có diện tích là 146m² nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến phần diện tích đất tăng thêm do nguyên đơn nhận chuyển nhượng trước đó là còn thiếu sót.

Ngoài ra, căn cứ Trích lục họa đồ kèm theo Bản án số 126/2009/DS-ST ngày 29/12/2009 của Tòa án nhân dân huyện T thì giáp thửa 300 của ông D và thửa 301 của bà S có thể hiện đường đi, trong khi theo họa đồ ngày 14/9/2022, ngày 24/10/2024 và ngày 26/12/2024 thì phần đường đi này không còn thể hiện trong họa đồ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vì sao có sự thay đổi về hiện trạng thửa đất, phần đường đi này hiện nay còn không, nếu không còn thì diện tích đường đi này đã nhập vào thửa đất của ai để từ đó xác định diện tích tăng thêm của thửa đất. Mặt khác, theo họa đồ ngày 14/9/2022, ngày 24/10/2024

và ngày 26/12/2024 thì phần đất tranh chấp có một phần thuộc thửa 149, tờ bản đồ số 19 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ thửa đất 149 được hình thành từ những thửa đất nào, có phải từ thửa 301 và thửa 328 hay không, thửa 149 có biến động gì không và hiện nay thửa 149 có diện tích bao nhiêu để từ đó xác định đất của bị đơn có tăng hay giảm diện tích so với các thửa đất cũ vì họa đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp kèm theo bản án sơ thẩm là chỉ đo một phần của thửa 149.

Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để làm cơ sở giải quyết vụ án nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết hủy một phần bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giữ nguyên một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 -Vĩnh Long) đối với phần tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; chấp nhận kháng cáo của bà N, hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 -Vĩnh Long), giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị N.
- Giữ nguyên một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 -Vĩnh Long) đối với phần tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, anh Võ Minh S về việc yêu cầu bà Hồ Thị S, anh Trương Văn T phải bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc anh Trương Văn T phải bồi thường thiệt hại 01 (một) camera bị hư hỏng trị giá 1.800.000đ (Một triệu, tám trăm nghìn đồng).

Buộc bà Hồ Thị S, anh Trương Văn T phải bồi thường thiệt hại hàng rào bị đập phá trị giá là 9.425.000đ (Chín triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Án phí sơ thẩm: Buộc anh Trương Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 561.250đ (Năm trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

- Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 -Vĩnh Long) đối với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị N không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- TAND huyện T (nay là TAND khu vực 8 - Vĩnh Long) (1b);
- Chi cục THADS huyện T (nay là Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long) (1b);
- Phòng GD, KT, TT và THA; VP (3b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt